

ĐA DẠNG NGUỒN CÂY DƯỢC LIỆU KHU DI TÍCH K9 - ĐÁ CHÔNG VÀ VÙNG PHỤ CẬN

ĐẶNG NGỌC HUYỀN ⁽¹⁾, LÊ XUÂN ĐẮC ⁽¹⁾, VŨ ĐÌNH DUY ⁽¹⁾, PHẠM MAI PHƯƠNG ⁽¹⁾

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cây thuốc dân gian từ lâu đã được nhiều người quan tâm đến, đây là nguồn tài nguyên thực vật có giá trị thiết thực cho các cộng đồng địa phương trong việc phòng chữa bệnh ngoài ra nó còn có giá trị bảo tồn nguồn gen, cung cấp cho lĩnh vực dược học. Các loài cây thuốc Việt Nam chiếm khoảng 11% trong số 35.000 loài cây thuốc được biết đến trên toàn thế giới [1]. Con số này là tương đối thấp, còn nhiều loài cây thuốc (cây thuốc dân tộc) chưa được biết đến và chỉ được sử dụng bởi các nhóm dân tộc thiểu số trong cả nước. Cây thuốc có một vị trí và vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Chúng được điều tra hiện trạng, ghi nhận dựa trên tri thức và kinh nghiệm sử dụng của các dân tộc ở các vùng khác nhau [2, 3, 4, 5, 6].

Đến nay, đã có một số nghiên cứu về điều tra cây thuốc ở Vườn Quốc gia (VQG) Ba Vì và các nhóm cây dược liệu của đồng bào người Dao ở Ba Vì, Hà Nội [7, 8, 9]. Tuy nhiên, tiếp giáp với VQG Ba Vì là khu vực Di tích K9 hầu như chưa có các nghiên cứu nào mang tính hệ thống về cây thuốc. Việc điều tra nghiên cứu, thu thập các kinh nghiệm hay, các bài thuốc quý và bảo tồn phát triển chúng có ý nghĩa quan trọng và góp phần bảo vệ có hiệu quả đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc.

Khu vực rừng đặc dụng K9 nằm trong quần thể núi Ba Vì, có tiềm năng đa dạng sinh học lớn, chứa đựng nhiều loài đặc trưng cho hệ động thực vật vùng đồi núi thấp Hà Nội, vừa là điểm tham quan di tích lịch sử đặc biệt gắn với cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Hiện nay, tại khu vực phụ cận Rừng đặc dụng K9, chủ yếu có cộng đồng người Dao sinh sống, vẫn diễn ra các hoạt động khai thác, chế biến, cũng như kinh nghiệm sử dụng cây dược liệu từ lâu đời. Nhu cầu sử dụng thuốc y học cổ truyền ngày càng tăng lên có mối liên hệ quan trọng đến việc bảo tồn các loài thực vật được dùng nhiều trong y học cổ truyền. Ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy, nhiều trong số những loài cây này ngày càng trở nên khó kiếm trong tự nhiên, và nhiều loài đã được liệt kê vào danh sách những loài có ý nghĩa bảo tồn (Sách đỏ Việt Nam 2007, Danh lục Đỏ những loài bị đe dọa của IUCN, hoặc trong danh mục những loài bị đe dọa của Việt Nam theo nghị định 32/2006/NĐ-CP) [10, 11]. Bởi vậy, vấn đề đánh giá thực trạng loài và giá trị sử dụng, được coi là nhiệm vụ ưu tiên trong chiến lược bảo tồn và phát triển bền vững quỹ gen cây dược liệu tại khu di tích K9 - Đá Chông.

2. ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là cây dược liệu phân bố tự nhiên và trồng khu di tích K9 - Đá Chông và phụ cận; Những kinh nghiệm của cộng đồng địa phương sinh sống ở phụ cận khu di tích K9 - Đá Chông trong việc sử dụng cây dược liệu.

2.2. Thời gian nghiên cứu

Tháng 6 đến tháng 11/2019.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điều tra phỏng vấn

- Tiến hành phỏng vấn chuyên gia, thu thập các tài liệu, số liệu tại Hội đồng Y huyện Ba Vì về các loài cây dược liệu tại vùng nghiên cứu.

- Tiến hành phỏng vấn hộ gia đình (30 hộ) tại vùng nghiên cứu về các loài cây làm thuốc, công dụng và bộ phận sử dụng trong việc phòng, chữa bệnh, giá trị kinh tế của chúng ở địa phương.

Phương pháp điều tra theo tuyến

- Mở 6 tuyến đi qua các dạng địa hình khác nhau của khu vực như giồng núi, khe, làng xóm, đồng ruộng. Sử dụng bản đồ địa hình và GPS để xác định lộ trình và tính chiều dài các tuyến điều tra, đồng thời tiến hành chụp ảnh cây dược liệu.

Bảng 1. Tọa độ điểm đầu và điểm cuối các tuyến điều tra

TT	Tên tuyến	Tọa độ điểm đầu (hệ tọa độ UTM)		Tọa độ điểm cuối (hệ tọa độ UTM)		Chiều dài (km)
		X	Y	X	Y	
1	Làng nghề thuốc nam Hợp Nhất - Làng nghề thuốc nam Yên Sơn	538.91	2.367.227	537.775	2.334.065	4,65
2	Làng nghề thuốc nam Hợp Nhất - làng nghề thuốc nam Hợp Sơn	538.91	2.367.227	534.453	2.329.885	3,43
3	Cổng vào K9 - Khu trường bắn (khu D)	533.89	2.334.782	534.127	2.334.087	4,42
4	Trạm kiểm lâm Đền Trung - Đền Trung	532.6	2.334.441	532.503	2.338.272	6,12
5	Trạm kiểm lâm Ba Trại - Cổng vào K9	536.05	2.335.942	534.127	2.334.087	5,76
6	Vườn bảo tồn cây dược liệu Ba Vì-Cổng vào K9	533.133	2.336.322	533.89	2.334.782	6,45

Phương pháp thu mẫu và xử lý tiêu bản

Mỗi loài thực vật được thu thập 2-3 mẫu có đầy đủ các bộ phận lá, hoa, quả (nếu có). Mẫu được mã hóa bằng số thứ tự từ thấp đến cao theo từng loài và tiến hành xử lý mẫu theo quy tắc làm mẫu thực vật. Mẫu thực vật thu hái trên hiện trường được xác định nhanh tên thường gọi, tên địa phương và tên khoa học để làm cơ sở cho việc giám định nội nghiệp.

Phương pháp xây dựng danh lục thực vật

- Định danh mẫu, xác định dạng sống và công dụng dựa vào tài liệu của Võ Văn Chi (1999), Phạm Hoàng Hộ (1999-2000), Đỗ Tất Lợi (2001), Lê Trần Đức (1995) [12, 13, 14, 15].

- Từ kết quả thu được, tiến hành xây dựng danh lục thực vật cho khu vực nghiên cứu theo hệ thống phân loại của Brummitt (1992) [16], trong đó các ngành được sắp xếp theo hướng tiến hóa tăng dần, các họ trong một ngành, các chi trong một họ, các loài trong một chi được sắp xếp theo trật tự chữ cái đầu từ A đến Z. Ngoài ra, trong danh lục còn thể hiện được dạng sống thực vật và giá trị bảo tồn theo quan điểm của Nguyễn Tiến Bân 2001, 2003, 2005 [17].

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thành phần loài cây dược liệu tại khu vực nghiên cứu

Có thể nói tài nguyên cây dược liệu tại khu di tích K9 - Đá Chông và phụ cận khá phong phú và đa dạng, hội tụ 4 trong 6 ngành thực vật bậc cao có mạch của hệ thực vật Việt Nam: Ngành Thông đất (Lycopodiophyta), Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), Ngành Hạt trần (Pynophyta), Ngành Hạt kín (Magnoliophyta). Phân bố các taxon trong từng ngành có sự chênh lệch lớn, trong đó ngành Hạt kín chiếm ưu thế, đóng vai trò chủ đạo, quyết định sự đa dạng của thực vật làm thuốc tại khu vực nghiên cứu. Kết quả ở bảng 2.

Bảng 2. Thành phần các taxon cây dược liệu

TT	Ngành thực vật	Họ		Chi		Loài	
		SL	%	SL	%	SL	%
1	Ngành Thông đất (Lycopodiophyta)	1	1,05	1	0,40	1	0,31
2	Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta)	2	2,11	2	0,80	2	0,62
3	Ngành Hạt trần (Pynophyta)	4	4,21	4	1,61	4	1,23
4	Ngành Hạt kín (Magnoliophyta)	89	93,68	243	97,59	321	98,85
	- Lớp Một lá mầm (Liliopsida)	20	21,05	37	14,86	46	13,23
	- Lớp Hai lá mầm (Magnoliopsida)	69	72,63	206	82,73	275	84,62
Tổng		95	100	249	100	328	100

Qua điều tra trên 6 tuyến điển hình và phỏng vấn 30 hộ gia đình đã thống kê được 328 loài thực vật thuộc 249 chi, 95 họ ở 4 ngành thực vật bậc cao có giá trị làm dược liệu. Trong đó ngành Hạt kín đa dạng nhất với 321 loài, chiếm 98,85%; tiếp theo là ngành Hạt trần có 4 loài chiếm 1,23%. Hai ngành còn lại là ngành Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông đất (Lycopodiophyta) đều có số loài chiếm tỷ lệ thấp hơn 1%. Trong ngành Hạt kín, lớp Hai lá mầm chiếm ưu thế với 275 loài chiếm 84,62%, lớp Một lá mầm có 46 loài chiếm 13,23%.

Đa dạng ở bậc họ

12 họ có số loài cây được liệu nhiều nhất được biết ở khu vực nghiên cứu là Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) với 14 chi (chiếm 5,6%), 23 loài (chiếm 7%); Họ Cúc (Asteraceae) với 12 chi (chiếm 4,8%), 17 loài chiếm (5,2%); Họ Cà phê (Rubiaceae) với 12 chi (chiếm 4,8%), 14 loài (chiếm 4,3%); Họ Cam (Rutaceae) với 10 chi (chiếm 4%), 13 loài (chiếm 4%); Họ Trúc đào (Apocynaceae) có 8 chi (chiếm 3,2%), 8 loài (chiếm 2,4%); Họ Dâu tằm (Moraceae) có 7 chi (chiếm 2,8%), 10 loài (chiếm 3%); Họ Vang (Ceasalpiniaceae) với 5 chi (chiếm 2%), 9 loài (chiếm 2,7%); Họ Rau rền (Amarantaceae) với 5 chi (chiếm 2%), 8 loài (chiếm 2,4%); Họ Tách (Verbenaceae) với 5 chi (chiếm 2%), 8 loài (chiếm 2,4%); Họ Lauraceae với 5 chi (chiếm 2%), 7 loài (chiếm 2,1%); Họ Gừng (Zingiberaceae) với 4 chi (chiếm 1,6%), 7 loài (chiếm 2,1%). Số còn lại 83 họ, mỗi họ mới chỉ ghi nhận được từ 1 đến 6 loài cây được liệu. Tổng số loài của 12 họ này là 137 loài, chiếm 41,8% tổng số loài của khu vực nghiên cứu và số chi là 98 chi, chiếm 39,35%.

Đa dạng về dạng sống

Cây được liệu ở khu di tích K9 - Đá Chông chủ yếu là các cây thân cỏ (25,85%), tập trung ở các họ Gừng (Zingiberaceae), họ Rau răm (Polygonaceae), họ Thài lải (Commelinaceae), họ Mạch môn đông (Convallariaceae), họ Cúc (Asteraceae), nhóm này chủ yếu gặp trong vườn nhà, ven đường, một số ít gặp trong rừng. Sau đó đến nhóm cây gỗ nhỏ (15,79%), tập trung trong các họ Trúc đào (Apocynaceae), họ Thầu dầu (Euphorbiaceae), họ Dâu tằm (Moraceae), họ Cỏ roi ngựa (Verbenaceae), họ Cà phê (Rubiaceae),... Cây được liệu có dạng sống là kí sinh, bì sinh, dây leo thân thảo và thân củ chiếm tỷ lệ không nhiều (bảng 3).

Bảng 3. Đa dạng về dạng sống của cây thuốc ở khu vực nghiên cứu

TT	Dạng sống	Số lượng loài	Tỷ lệ %
1	Thân cỏ/thảo	84	25,85
2	Thân gỗ nhỏ	51	15,79
3	Cây bụi	50	15,48
4	Dây leo gỗ	44	13,54
5	Thân gỗ lớn	31	9,64
6	Thân gỗ trung bình	28	8,72
7	Cây có củ	16	4,94
8	Dây leo thảo	11	3,37
9	Cây phụ bì sinh	8	2,66
10	Cây kí sinh	5	1,55
Tổng		328	100

Đa dạng về bộ phận sử dụng

Trong các cây dược liệu có nhiều bộ phận dùng làm thuốc như: hoa, lá, thân, rễ, củ. Có loài cây chỉ sử dụng được một bộ phận, có loài nhiều hơn, thậm chí có loài còn sử dụng được cả cây (bảng 4). Lá là bộ phận sử dụng nhiều nhất với 60 loài, đây là bộ phận dễ thu hái với nhiều cách sử dụng khác nhau (có thể nhai, nuốt, đắp, đun nước...). Thân, vỏ và cả cây cũng được sử dụng nhiều với những bộ phận này cách sử dụng thường cầu kỳ hơn (đun nước uống, sao, sắc, nghiền, giã...). Điều này cho thấy thực vật làm thuốc ở khu vực nghiên cứu rất đa dạng về bộ phận sử dụng. Nhưng cũng chính điều này lại là một khó khăn cho việc duy trì và phát triển nguồn thực vật làm thuốc, bởi khi có sự khai thác nhiều bộ phận trên cùng một cây sẽ gây ảnh hưởng lớn đến sinh trưởng và phát triển của loài.

Bảng 4. Đa dạng về thành phần, bộ phận sử dụng của cây thuốc

Thành phần, bộ phận sử dụng	Số loài	Thành phần, bộ phận sử dụng	Số loài
Cả cây	35	Nhựa	3
Cành non, hạt	1	Quả	15
Củ	19	Rễ	34
Củ, lá	1	Thân	50
Hạt	10	Thân, lá	30
Hoa	8	Thân, rễ	8
Lá	60	Vỏ	24
Lá, hoa, hạt	1	Vỏ, rễ, lá	6
Lá, quả	2	Vỏ, thân	21

Đa dạng về sinh cảnh sống

Trong quá trình điều tra, đã thống kê được các loài dược liệu sống ở những sinh cảnh sau:

- Vườn nhà có 108 loài.
- Rừng phục hồi có 74 loài.
- Ven đường có 61 loài.
- Rừng trồng có 43 loài.
- Thảm cỏ có 29 loài.
- Thảm cây bụi có 13 loài.

Các loài cây dược liệu phân bố rộng ở nhiều sinh cảnh khác nhau, nhưng tập trung nhiều nhất ở vườn nhà. Đây là tiền đề cho việc đầu tư trồng cây dược liệu theo quy mô hộ gia đình. Tập trung nhiều thứ hai là rừng phục hồi, đây cũng là môi trường thuận lợi cho nhiều cây thuốc sinh trưởng và phát triển. Một số loài sống cùng một lúc trong 2 hoặc 3 sinh cảnh cho thấy khả năng thích nghi cao có thể đầu tư phát triển trồng nhân giống trong điều kiện vườn trồng.

3.2. So sánh sự đa dạng các taxon của cây dược liệu tại địa điểm nghiên cứu với các khu vực khác

Để thấy được tính đa dạng về các họ, chi, loài ở địa điểm nghiên cứu chúng tôi tiến hành so sánh với xã Y Tý và Dền Sáng - Bát Xát, Khu Bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Hang Kia - Pà Cò và rừng đặc dụng Yên Tử [18, 19, 20], thể hiện qua bảng 5.

Bảng 5. So sánh số lượng taxon tại địa điểm nghiên cứu với các khu vực khác

Taxon		Khu vực nghiên cứu	Xã Y Tý và Dền Sáng	KBTTN Hang Kia	Rừng đặc dụng Yên Tử
Ngành Thông đất (Lycopodiophyta)	Họ	1	0	2	0
	Chi	1	0	2	0
	Loài	1	0	4	0
Ngành Cỏ tháp bút (Equisetophyta)	Họ	0	1	1	0
	Chi	0	1	1	0
	Loài	0	1	1	0
Ngành Dương xỉ (Polypodiophyta)	Họ	2	2	8	5
	Chi	2	2	12	5
	Loài	2	2	18	2
Ngành Hạt trần (Pynophyta)	Họ	4	2	2	1
	Chi	4	2	2	1
	Loài	4	2	3	1
Ngành Hạt kín (Magnoliophyta)	Họ	89	50	118	65
	Chi	243	76	331	125
	Loài	321	117	482	137
Tổng	Họ	95	55	131	69
	Chi	249	81	348	131
	Loài	328	123	508	143

Kết quả bảng 5 chỉ ra sự khác biệt rõ rệt về số lượng thành phần họ, chi, loài tại địa điểm nghiên cứu so với 3 khu vực còn lại. Số lượng họ, chi, loài của khu vực K9, Đá Chông chỉ ít hơn so với KBTTN Hang Kia - Pà Cò, Hòa Bình. Đối với hai xã Y Tý và Dền Sáng - Bát Xát, cũng như rừng đặc dụng Yên Tử thành phần loài tại khu K9 cao hơn nhiều. Qua đó, thấy rằng khu di tích K9 - Đá Chông, tuy diện tích không lớn, thảm thực vật bị tác động nhiều nhưng rõ ràng tiềm năng đa dạng sinh học thì vẫn còn, đồng thời điều đó cũng thể hiện tính đa dạng, tính tiềm năng và sự phong phú của hệ thực vật làm dược liệu ở đây.

3.3. Hiện trạng khai thác, sử dụng của các loài dược liệu quan trọng trong khu vực

3.3.1. Hiện trạng khai thác

Trong quá trình điều tra và khảo sát thực địa chúng tôi được biết khá nhiều người Dao trong vùng cũng như người Mường ở các xã khác như Minh Quang, Ba Vi, Vân Hòa,... hay xã Ba Trại thường đi vào rừng khai thác cây dược liệu mặc dù giá trị thu được không cao, chỉ khoảng 30.000 - 50.000 đồng/gánh (khoảng 10 - 20 kg). Tùy thuộc vào loài cây dễ tìm hay khó tìm mà mức giá khác nhau, thường thì dễ vào rừng lấy được cây thuốc về phải mất cả ngày và công việc này cũng không phải là thường xuyên.

- 10 loài đã hoặc thỉnh thoảng vẫn được tư thương lên lút đặt hàng cho người dân khai thác để bán sang Trung Quốc: Bầy lá một hoa, Bình vôi, Củ dôm, Bách xanh, Lan một lá, Lan Thạch học và Hoàng thảo.

- 10 loài hiện tại đang vẫn khai thác để sử dụng tại chỗ và đem bán ở chợ địa phương: Dân toòng/Giảo cổ lam, Đẳng sâm, Hoàng đằng, Lá lốt, Lá khô, Ngũ gia bì gai, Rau sắng, Sâm cau, Dây đau xương, Lạc tiên.

- 8 loài, theo nhân dân địa phương chưa hề bị khai thác: Ba gác, Tắc kè đá, Củ dó, Hồi, Dây lõi tiền, Chè vằng, Hoàng tinh cách, Mạch môn.

- Một số loài trước đây có thể đã bị khai thác lấy gỗ: Pơ mu, Vàng tâm, Giổi, Long não, Giáng hương quả to.

Như vậy, hầu hết các loài cây dược liệu nằm trong diện có ý nghĩa bảo tồn đã và đang bị khai thác tại khu vực nghiên cứu. Nghiêm trọng nhất là tình trạng tìm kiếm một số loài trong họ Lan (Một lá, Hoàng thảo, Thạch học) bán cho tư thương với giá khá cao, chi tiết tại bảng 6.

Bảng 6. Thống kê thị trường và tình trạng một số loại dược liệu tại khu di tích K9 - Đá Chông (thời điểm điều tra tháng 9/2019)

TT	Tên dược liệu	Giá (đồng/kg khô)	Nhu cầu thị trường	Mức độ bắt gặp
1	Hà thủ ô trắng	40.000	Bình thường	Hiếm thấy
2	Nghệ đen	80.000	Lớn	Nhiều, vì còn được trồng
3	Sâm cau	200.000/kg tươi	Lớn	Thỉnh thoảng thấy
4	Lạc tiên	45.000	Lớn	Nhiều, vì còn được trồng
5	Dứa dại Bắc Bộ	40.000	Bình thường	Hiếm thấy
6	Thạch học	120.000/kg tươi	Lớn	Hiếm thấy
7	Bình vôi	10.000/kg tươi	Bình thường	Thỉnh thoảng thấy
8	Hoàng đằng	80.000	Lớn	Hiếm thấy
9	Giảo cổ lam	50.000	Bình thường	Hiếm thấy

3.3.2. Hiện trạng sử dụng các loài cây dược liệu tại khu vực nghiên cứu

Về công dụng chữa bệnh của các loài dược liệu, đề tài chỉ chọn lọc một số công dụng chủ yếu, dựa trên kết quả phỏng vấn người dân và các tài liệu về cây thuốc Việt Nam đã công bố. Dưới đây là trích dẫn một số cây thuốc điển hình, được sử dụng trong các nhóm chứng bệnh thường thấy như sau:

- Cảm sốt, cảm lạnh, nhức đầu... có các loài: Hương nhu, Cúc tần, Cỏ lào, Đại bi, Cam thảo đất, Ngải cứu đại, Húng chanh, Móc điều, Hoắc hương núi, Kinh giới rừng, Giỏi bà, Cà gai lông, Gừng,...

- Bệnh ngoài da (mẩn ngứa, ghẻ lở, hắc bào, lang ben, chốc đầu, tiêu độc, mụn nhọt...): Ba chạc, Bồ công anh, Trắc bụi, Ké đầu ngựa, Bời lời nhót, Núc nác, Ngải, Găng châu, Trứng ếch đỏ, Dây quai bị, Rau má, Thiên môn đông, Lâm trai, Dây khế, Thuốc dẫu, Đơn nem,...

- Bệnh về xương khớp (bong gân, phong tê thấp, đau cột sống...): Ngũ gia bì gai, Thiên niên kiện, Thổ phục linh, Kim cang - khúc khắc, Đáng chân chim, Dây đau xương, Tắc kè đá, Dây trứng cuốc, Xương sông, Hy thiêm, Dây gắm, Cỏ xước, Ráy gai, Nhội, Niễng đực, Long não, Tầm gửi, Dây lỏi tiên, Trọng đũa tuyền, Dành dành trắng, Tầm sống, Sảng, Tu hú bụi lá to, Cao cẳng, Gội trắng, Dây lỏi tiên, Gừng gió, ... Tổng số có tới gần một trăm loài có công dụng chữa các chứng bệnh về xương khớp.

- Bệnh đường hô hấp (ho, hen, viêm họng, viêm xoang, bổ phổi...): Mạch môn rừng, Cao cẳng, Bồng bồng, Một lá, Cỏ cú lợn, Cà độc dược, Thừng mực trâu, Bồ kết, Cơm cháy, Cỏ sữa lá nhỏ, Bét trắng, Trinh nữ, Chua me hoa đỏ,...

- Bệnh đường tiêu hóa (Rối loạn tiêu hóa, ỉa chảy, kiết lỵ, táo bón, đau dạ dày, viêm ruột, viêm đại tràng, kích thích tiêu hóa...): Hoàng đằng, Nhót rừng, Cỏ sữa các loại, Sa nhân, Lá khôi, Dạ cẩm, Dền các loại, Đu đủ, Mâm xôi, Hoắc quang tía, Chè hoa trắng, Rau sam, Thái lải tía, Củ nâu, Lát hoa,...

- Bệnh về răng, miệng: Cánh kiến, Thiết mộc lan, Sa nhân, Đơn buốt,...

- Bệnh gan, mật (viêm gan, mật, vàng da, sỏi mật...): Gai Bắc Bộ, Núc nác, Hoàng đằng, Cà gai leo, Diệp hạ châu, Mò trắng, Ráy gai, Cỏ xước hoa đỏ, Đơn châu châu, Nhọ nồi, Mật gấu,...

- Bệnh thận và tiết niệu (viêm thận, sỏi thận, viêm đường tiết niệu, bí tiểu, sỏi thận...): Muồng lá khế, Rau má, Bắp cày, Chạch chiu, Ké hoa vàng, Thóc lép, Đom gai, Me rừng, Sỏi trắng, Dây mật, Sâm cau,...

- Bệnh đặc trưng ở phụ nữ (Kinh nguyệt, bạch đới khí hư, động thai, sót nhau, hậu sản...): Ngải cứu, Sa nhân, Bọ ếch, Lá nèn, Cỏ xước, Náng hoa trắng,...

- Nhóm bệnh khác: Đẳng sâm, Hoàng tinh cách, Thạch học, Hoàng thảo, Cát sâm, Hà thủ ô trắng, Ngũ gia bì gai, Bồng bồng sâm, Củ gió đất, Củ mài,...

3.4. Giải pháp bảo tồn và phát triển nguồn tài nguyên cây dược liệu tại khu di tích K9 - Đá Chông

Trong số các loài cây dược liệu đã được xác định ở khu vực nghiên cứu, rất nhiều loài không chỉ phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu, địa hình của địa phương mà còn có giá trị kinh tế đem lại nguồn thu đáng kể cho người dân như: Thiên niên kiện, Sâm cau, Ba kích, Hoàng đằng, Giảo cổ lam, Bình vôi, Nghệ đen, Dây mặt quỷ, Dây lác tiên,... Với những loài cây có giá trị kinh tế cao này nên được nhân trồng trên diện rộng, đây sẽ là một hướng đi mới trong công tác xóa đói, giảm nghèo, phát triển bền vững cho người dân bản địa, đồng thời bảo tồn hiệu quả nguồn tài nguyên cây thuốc này. Việc gây giống, nhân trồng các loài cây dược liệu quý, có giá trị kinh tế cao không chỉ giúp bảo tồn các nguồn gen quý mà còn tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân. Trong khi đó, do còn thiếu hiểu biết về kỹ thuật trồng, thu hái, sơ chế lên hiệu quả thu lại chưa tương xứng. Ngoài ra, thị trường tiêu thụ bị ép giá, rất bấp bênh, một số hộ thiếu vốn, thiếu nhân lực...

Thông qua phân tích những thuận lợi và khó khăn, một số giải pháp được đưa ra như sau:

- Xúc tiến trồng một số loài dược liệu phù hợp với điều kiện địa phương và có giá trị kinh tế cao.
- Tổ chức đào tạo tập huấn cho các hộ dân đang sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực dược liệu về vấn đề trồng và thu hái. Hướng dẫn các kỹ thuật thu hái, chế biến, bảo quản nhằm đảm bảo chất lượng dược liệu.
- Xây dựng các mô hình vườn bảo tồn có thể kinh doanh sản phẩm là phương thức bảo tồn khả thi. Như vậy các hộ nông dân trồng cây thuốc trong vườn nhà hay trong vườn rừng vừa hỗ trợ bảo tồn nguồn gen cây thuốc, vừa tạo thu nhập cho gia đình, nâng cao đời sống kinh tế.
- Tạo liên kết giữa các hộ nông dân và doanh nghiệp nhằm giúp cho sản phẩm cây dược liệu có đầu ra ổn định, nâng cao đời sống kinh tế của người dân địa phương.

4. KẾT LUẬN

1. Khu di tích K9 - Đá Chông là nơi có nguồn cây dược liệu rất phong phú và đa dạng về thành phần loài với 328 loài thực vật thuộc 249 chi, 95 họ ở 4 ngành thực vật bậc cao.

2. Các taxon bậc họ, chi, loài thuộc ngành Hạt kín (Magnoliophyta) là đa dạng nhất với 89 họ, 243 chi và 321 loài, tập trung chủ yếu ở lớp Hai lá mầm với 69 họ, 206 chi và 275 loài.

3. Các họ có số lượng loài nhiều nhất là 12 họ bao gồm Họ Thầu dầu (Euphorbiaceae); Họ Cúc (Asteraceae); Họ Cà phê (Rubiaceae); Họ Cam (Rutaceae); Họ Trúc đào (Apocynaceae); Họ Dâu tằm (Moraceae); Họ Vang (Cesalpiniaceae); Họ Rau rền (Amarantaceae); Họ Tách (Verbenaceae); Họ Lauraceae; Họ Gừng (Zingiberaceae). Số còn lại 83 họ, mỗi họ mới chỉ ghi nhận được từ 1 đến 6 loài cây dược liệu.

4. Các loài cây dược liệu ở khu di tích K9 - Đá Chông, Ba Vì, Hà Nội có dạng thân nhiều nhất là các cây thân cỏ (84 loài), sau đó đến nhóm cây gỗ nhỏ (51 loài), cây dược liệu có dạng sống là kí sinh, bì sinh, dây leo thân thảo và thân củ chiếm tỷ lệ không nhiều.

5. Trong các bộ phận của cây, lá là bộ phận được sử dụng nhiều nhất với 60 loài; thân, vỏ và cả cây cũng được sử dụng tương đối nhiều (thân: 50 loài, rễ: 34 loài, vỏ 24 loài). Với những bộ phận này cách sử dụng thường cầu kỳ hơn (đun nước uống, sao, sắc, nghiền, giã...). Các bộ phận khác như củ, hoa, quả, hạt... chiếm tỷ lệ không đáng kể.

6. Số liệu thống kê so sánh khu di tích K9 - Đá Chông với các khu vực khác: xã Y Tý và Dân Sáng - Bát Xát, KBTTN Hang Kia - Pà Cò và rừng đặc dụng Yên Tử về số lượng họ, chi, loài cho thấy nguồn tài nguyên cây dược liệu tại địa điểm nghiên cứu khá phong phú và đa dạng.

7. Thông qua phân tích những thuận lợi và khó khăn, một số giải pháp được đưa ra nhằm bảo tồn và phát triển cây dược liệu tập trung vào các nhóm giải pháp kinh tế, xã hội và công nghệ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trang Thi Huong Tran et al., *The Interface Between Access and Benefit-sharing Rules and BioTrade in Viet Nam*, Geneva, Switzerland: UNCTAD, 2016, Available at: http://unctad.org/en/PublicationsLibrary/webditcted2016d9_en.pdf.
2. Bùi Văn Thanh, Lưu Đàm Cư, Nguyễn Thị Phương Thảo, Trương Anh Thư, Hà Tuấn Anh, *Kết quả điều tra các nhóm cây có ích được đồng bào dân tộc Tày, Nùng ở huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn sử dụng*, Hội nghị Khoa học toàn quốc lần thứ hai về Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật, 2007, tr. 99-104.
3. Đặng Minh Quân, Trần Minh Khoa, Nguyễn Thanh Phúc, Trương Minh Phương, *Đa dạng nguồn tài nguyên cây làm thuốc ở đảo Nam Du tỉnh Kiên Giang*, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, 2018, **34**(4):105-115.
4. Lưu Đàm Cư, Hà Tuấn Anh, Trương Anh Thư, *Các cây thuốc có ích của dân tộc H'mông và khả năng ứng dụng trong phát triển kinh tế*, Hội nghị toàn quốc những vấn đề Nghiên cứu cơ bản trong Khoa học sự sống, Thái Nguyên, 2004, tr. 112-125.
5. Trần Văn Hải, Đỗ Văn Hải, Trần Thế Bách, *Nghiên cứu đa dạng cây thuốc thuộc ngành Mộc lan (Magnoliophyta) tại vườn quốc gia Phia Oắc - Phia Đén*, tỉnh Cao Bằng. 2019, **1**:1-5.

6. Vũ Thị Liên, *Đa dạng cây thuốc được đồng bào dân tộc Thái sử dụng chữa bệnh tiêu đường tiêu hóa tại xã Chiềng Bôm thuộc khu rừng đặc dụng Cópia huyện Thuận Châu tỉnh Sơn La*, Kỷ yếu hội thảo khoa học về đa dạng sinh học và các chất có hoạt tính sinh học, kỷ niệm 40 năm thành lập viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, 2015, tr. 191-197.
7. Nguyễn Nghĩa Thìn, Nguyễn Thu Hiền, *Nghiên cứu về cây dược liệu đồng bào người Dao ở thôn Yên Sơn, xã Ba vì, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây*, Tạp chí Dược học số 12/1999, tr. 6-9.
8. Nguyễn Thị Phương Thảo, Nguyễn Thị Thủy, Phạm Văn Thính, *Điều tra các nhóm cây có ích trong cộng đồng dân tộc Mường và Dao tại xã Chiềng Yên, Mộc Châu, Sơn La*, Hội thảo quốc gia về Sinh thái và tài nguyên sinh vật, Hà Nội, 2005, tr. 65-77.
9. Trần Văn Ôn, *Góp phần nghiên cứu bảo tồn cây thuốc ở Vườn Quốc gia Ba Vì*, Luận án tiến sĩ Dược học, Trường Đại học Dược, Hà Nội, 2003.
10. Bộ Khoa học Công nghệ & Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, *Sách đỏ Việt Nam, Phần 2: Thực vật*, Nxb. Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 2007.
11. Chính Phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Nghị định 32/2006/NĐ-CP, Nghị định của Chính phủ ngày 30 tháng 3 năm 2006 về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm*, 2006.
12. Võ Văn Chi, *Từ điển cây thuốc việt nam*, Nxb. Y học, Hà Nội, 1999.
13. Phạm Hoàng Hộ, *Cây cỏ Việt Nam*, Quyển 1-3, Nxb. Trẻ Tp. Hồ Chí Minh, 1999-2000.
14. Đỗ Tất Lợi, *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nxb. Y Học, Hà Nội, 2001.
15. Lê Trần Đức, *Cây thuốc Việt Nam*, Nxb. Nông nghiệp, 1995.
16. R.K. Brummitt, *Vascular plant families and genera*, Royal botanic garden, Kew, 1992.
17. Nguyễn Tiến Bân, *Danh lục các loài thực vật Việt Nam tập 1, 2, 3*, Nxb. Nông nghiệp Hà Nội, 2003.
18. Nguyễn Thị Vân Anh, Bùi Văn Thanh, Lưu Đàm Vân Anh, Bùi Văn Hương, Nguyễn Thị Phương Thảo, Trần Thị Trà Giang, *Kinh nghiệm sử dụng cây thuốc của đồng bào dân tộc H'mông và dao tại xã Y Tý và Dền Sáng, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai*, Báo cáo hội nghị khoa học sinh thái và tài nguyên sinh vật toàn quốc lần thứ 6, 2015, tr. 1038-1043.
19. Trịnh Xuân Huy, Đỗ Thị Xuyên, *Hiện trạng tài nguyên cây thuốc ở Khu bảo tồn thiên nhiên Hang Kia - Pà Cò, tỉnh Hòa Bình*, Báo cáo hội nghị khoa học sinh thái và tài nguyên sinh vật Toàn quốc lần thứ 5, 2013, tr. 1110-1115.
20. Phùng Văn Phê, Nguyễn Trung Thành, *Đa dạng nguồn tài nguyên cây thuốc ở Rừng đặc dụng Yên Tử, Quảng Ninh*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Khoa học tự nhiên và công nghệ 25, 2009, tr. 35-39.

SUMMARY

MEDICINAL PLANT DIVERSITY IN K9 - DA CHONG RELIC AREA AND SURROUNDINGS

The medicinal plant resources in K9-Da Chong relic area (Ba Vi, Ha Noi) and surroundings are quite diversity. The survey results show that 328 species of medicinal plants belong to 249 genera of 95 families. Magnoliophyta was found the richest with 321 species (98.85%). The richest 12 families and genus with 137 (41.8%) species and 98 (39.35%), respectively are Euphorbiaceae, Asteraceae, Rubiaceae, Fabaceae, Rutaceae, Apocynaceae, Moraceae, Caesalpiniaceae, Amarantaceae, Verbenaceae, Lauraceae, Zingiberaceae. Ten life-forms of medicinal species used at the research forest in K9-Da Chong relic area and surroundings with 328 species. The most of them are belong to herb 84 (25.85%), shrub 51 (15.79%) and others. The diversity of plant, depending on their used parts such as: leaves 60, bark 24, trunk 50 and whole plant 35 species, respectively. Several species of medicinal plants were identified, which are able to cure 10 disease groups. K9-Da Chong relic area and surroundings should perform synchronously conservation solutions, encouraging local communities to plant medicinal plants, especially species of rare medicinal plants.

Keywords: *Medicinal plant diversity, K9-Da Chong relic area.*

Nhận bài ngày 05 tháng 11 năm 2019

Phản biện xong ngày 20 tháng 12 năm 2019

Hoàn thiện ngày 23 tháng 12 năm 2019

⁽¹⁾ *Viện Sinh thái Nhiệt đới, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga*